

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Thực tập sư phạm (Teaching practicum)

- Mã số học phần: SP598
- Số tín chỉ học phần: 3 tín chỉ.
- Số tiết học phần: 90 tiết thực hành.

2. Đơn vị phụ trách học phần:

- Khoa: Sư phạm.

3. Điều kiện:

- Điều kiện tiên quyết: SP597, Tập giảng các bộ môn (Toán - SG158, Vật lý - SG167, Hóa học - SG176, Sinh học - SG188, Ngữ văn – SG209, Lịch sử - SG378, Địa lý – SG309, Tin học – SG086, Tiểu học - SG123 - 124, GDCD – ML110,...)
- Điều kiện song hành: không.

4. Mục tiêu của học phần:

| Mục tiêu | Nội dung mục tiêu | CĐR CTĐT |
|----------|--|--------------------|
| 4.1 | Người học có thể hệ thống hóa kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, cơ cấu, tổ chức, quản lí và hoạt động của một trường phổ thông để có thể hội nhập tốt vào môi trường làm việc sau khi ra trường; củng cố kiến thức chuyên môn và có hiểu biết tổng quát về khoa học giáo dục. | 2.1.2 a,b,c |
| 4.2 | Người học phát triển kĩ năng vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy; phát triển các kĩ năng quản lí học sinh, dự giờ, đánh giá. | 2.2.1 a,b,c,d,e |
| 4.3 | Người học phát triển các kĩ năng sống và giao tiếp xã hội trong điều kiện làm việc thực tế với học sinh, phụ huynh và đồng nghiệp; Có kĩ năng học tập suốt đời để tự nâng cao trình độ, phục vụ tốt cho nghề nghiệp. | 2.2.2 a,b,c,d |
| 4.4 | Nâng cao nhận thức về vai trò của giáo dục trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nắm vững những quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của người giáo viên; Có ý thức phấn đấu và sự nỗ lực cao trong việc học nghề; ý thức trách nhiệm; bồi dưỡng tình cảm và kinh nghiệm nghề nghiệp. | 2.3 a,b,c |

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

| CĐR HP | Nội dung chuẩn đầu ra | Mục tiêu | CĐR CTĐT |
|--------|--|------------|------------------------|
| | Kiến thức | | |
| CO1 | Hệ thống hóa kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, cơ cấu, tổ chức, quản lý và hoạt động của một trường phổ thông để sinh viên có thể hội nhập tốt vào môi trường làm việc sau khi ra trường. | 4.1 | 2.1.2 c |
| CO2 | Học hỏi các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm mới từ thực tiễn. | 4.1 | 2.1.2 a,b |
| CO3 | Củng cố kiến thức chuyên môn và có hiểu biết tổng quát về khoa học giáo dục. | 4.1 | 2.1.2 a,b |
| | Kỹ năng | | |
| CO4 | Phát triển kỹ năng vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, sử dụng đồ dùng dạy học và nhất là ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy ở các môn học (giáo án điện tử). | 4.2 4.3 | 2.2.1 a,b,c 2.2.2 a |
| CO5 | Vận dụng tốt hơn các kỹ năng về tâm lý, giáo dục và lý luận dạy học đã được học trong trường đại học và qua đợt kiến tập. | 4.2 | 2.2.1 b,c,d |
| CO6 | Phát triển các kỹ năng giao tiếp, quản lý học sinh, dự giờ, đánh giá, hỗ trợ học sinh. | 4.2 | 2.2.1 e |
| CO7 | Có kỹ năng nghiệp vụ sư phạm vững vàng, biết vận dụng kiến thức một cách linh hoạt, sáng tạo vào thực tiễn. | 4.3 | 2.2.2 a,b |
| CO8 | Phát triển các kỹ năng sống và giao tiếp xã hội trong điều kiện làm việc thực tế với học sinh, phụ huynh và đồng nghiệp. | 4.3 | 2.2.2 c,d |
| CO9 | Có kỹ năng học tập suốt đời để tự nâng cao trình độ, phục vụ tốt cho nghề nghiệp. | 4.3 | 2.2.2 b |
| | Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm | | |
| CO10 | Nâng cao nhận thức về vai trò của giáo dục trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nắm vững những quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của người giáo viên, trên cơ sở đó phấn đấu trở thành người giáo viên giỏi | 4.4 | 2.3 a,b |
| CO11 | Chủ động, sáng tạo trong việc vận dụng kiến thức đã học và rèn luyện các kỹ năng giáo dục và dạy học trong thực tế nhà trường, từ đó hình thành năng lực sư phạm. | 4.4 | 2.3 b,c |
| CO12 | Có ý thức phấn đấu và sự nỗ lực cao trong việc học nghề; ý thức trách nhiệm; bồi dưỡng tình cảm và kinh nghiệm nghề nghiệp. | 4.4 | 2.3b,c |